

CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP DẤU ẤN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP DẤU ẤN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MILESTONE SOLUTION LIMITED
COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109073743

3. Ngày thành lập: 03/02/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 154, phố Vọng Hà, Phường Chương Dương, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
2.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
3.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
4.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
5.	Chăn nuôi gia cầm	0146
6.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
7.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
8.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
9.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
10.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
11.	Sản xuất sợi	1311
12.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
13.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
14.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
15.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
16.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
17.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
18.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
19.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
20.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
21.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
22.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
23.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512

24.	Sản xuất giày, dép	1520
25.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
26.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
27.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
28.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
29.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
30.	In ấn	1811
31.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
32.	Sao chép bản ghi các loại	1820
33.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
34.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
35.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
36.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
37.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
38.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
39.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (trừ Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
40.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
41.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
42.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
43.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
44.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
45.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
46.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
47.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
48.	Xây dựng nhà để ở	4101
49.	Xây dựng nhà không để ở	4102
50.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
51.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
52.	Xây dựng công trình điện	4221
53.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
54.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
55.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
56.	Xây dựng công trình thủy	4291
57.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
58.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293

59.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
60.	Phá dỡ	4311
61.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
62.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
63.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
64.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
65.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
66.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
67.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511
68.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
69.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
70.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
71.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
72.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
73.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
74.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
75.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
76.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
77.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
78.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
79.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
80.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	4931
81.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
82.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
83.	Vận tải đường ống	4940
84.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

85.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
86.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
87.	Bốc xếp hàng hóa	5224
88.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
89.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển Logistics Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;	5229
90.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
91.	Cơ sở lưu trú khác	5590
92.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
93.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
94.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
95.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
96.	Hoạt động hậu kỳ	5912
97.	Lập trình máy vi tính	6201
98.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
99.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Tư vấn, phân tích, lập kế hoạch, phân loại, thiết kế trong lĩnh vực công nghệ thông tin; Tích hợp hệ thống, chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật trong lĩnh vực công nghệ thông tin; Thiết kế, lưu trữ, duy trì trang thông tin điện tử; Bảo hành, bảo trì, bảo đảm an toàn mạng và thông tin; Cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ, xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu Đào tạo công nghệ thông tin - Dịch vụ quản trị, bảo quản, bảo trì hoạt động của phần mềm về hệ thống thông tin; - Dịch vụ tư vấn, đánh giá, thẩm tra chất lượng phần mềm; - Dịch vụ tư vấn, xây dựng dự án phần mềm; - Dịch vụ tư vấn định giá phần mềm; - Dịch vụ chuyển giao công nghệ phần mềm; - Dịch vụ tích hợp hệ thống; - Dịch vụ bảo đảm an toàn cho sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin; - Dịch vụ phân phối, cung cấp sản phẩm phần mềm Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm	6209
100.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
101.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
102.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Đại lý bảo hiểm	6622

103.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản Dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
104.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ hoạt động tư vấn pháp luật)	7020
105.	Quảng cáo	7310
106.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
107.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
108.	Cho thuê xe có động cơ	7710
109.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
110.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
111.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
112.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
113.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810(Chính)
114.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
115.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
116.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
117.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
118.	Đào tạo sơ cấp	8531
119.	Đào tạo trung cấp	8532
120.	Đào tạo cao đẳng	8533
121.	Đào tạo đại học	8541
122.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
123.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
124.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)	8559
125.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
126.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
127.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
128.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
129.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522

130.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
131.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
132.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
133.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật	9610
134.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
135.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
136.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
137.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
138.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
139.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
140.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
141.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9820

6. Vốn điều lệ: 300.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN	Thôn Vườn Chùa, Xã Hoàng Lâu, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	240.000.000	80,000	026162000413	
2	LÊ QUỐC HUY	Thôn Vườn Chùa, Xã Hoàng Lâu, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	60.000.000	20,000	026094000826	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 29/03/1962

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 026162000413

Ngày cấp: 22/10/2015

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Vườn Chùa, Xã Hoàng Lâu, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Vườn Chùa, Xã Hoàng Lâu, Huyện Tam Dương, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội